

Bản án số: 08/2022/KDTM-PT.
Ngày: 14 - 12 - 2022.
V/v “Tranh chấp hợp đồng vận
chuyên hàng hóa (dịch vụ
logistics).”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa Bà Trịnh Thị Bích Hạnh
Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông
Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 tháng 11 và 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng vận chuyên hàng hóa (dịch vụ logistics)”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 06/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022; Thông báo về việc dời ngày xét xử số 21/TB-TA ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần N.

Trụ sở: 13-15 đường B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Chu Từ L, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 5 đường số A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đỗ Như H, sinh năm 1997.

Địa chỉ 2 C, phường G, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH G.

Trụ sở: Cụm C - giai đoạn 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lee Man B, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện tham gia tố tụng của bị đơn:

- Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1989

Địa chỉ 75/15 khóm C, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Văn Đ - Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh H.

3. *Người kháng cáo*: Công ty TNHH G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Công ty cổ phần N có đại diện theo ủy quyền anh Đỗ Như H trình bày: Vào ngày 01/01/2018, nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng số 01/2018/LM-VS về việc cung cấp dịch vụ logistics. Theo đó nguyên đơn có vận chuyển hàng hóa cho bị đơn, ngày 30/01/2019 nguyên đơn có mua bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu của Công ty B1. Giấy chứng nhận bảo hiểm được cấp số TEC0004051. Đến ngày 19/10/2019, tàu Vietsun Integrity bị chìm tại phao số 28 luồng hàng hải S - Vũng Tàu, trên đó có hàng hóa của bị đơn, theo ước tính của bị đơn, giá trị hàng hóa 2.687.388.180 đồng. Ngay sau khi xảy ra tai nạn nguyên đơn đã phối hợp với Công ty bảo hiểm để phối hợp tiến hành giải quyết. Sau khi có kết luận điều tra tai nạn, theo hướng dẫn của luật sư chỉ định bởi công ty B1, nguyên đơn có văn bản gửi đến bị đơn thông báo việc miễn trừ trách nhiệm đối với hàng hóa tổn thất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền cước vận chuyển của tháng 09-10-11/2019 mà bị đơn còn thiếu là 2.674.980.000 đồng và trả lãi phát sinh cho nguyên đơn với số tiền lãi 7%/năm theo từng hóa đơn của tháng vận chuyển. Đây là số tiền các lần nguyên đơn vận chuyển hàng cho bị đơn đã trừ đi chi phí vận chuyển của ngày 19/10/2019. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường số hàng hóa bị tổn thất do chìm tàu số tiền 2.687.388.180 đồng, nguyên đơn không đồng ý vì nguyên đơn được miễn trách nhiệm.

Đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh T đồng ý với lời trình bày của anh Đỗ Như H không có trình bày bổ sung gì thêm.

Bị đơn Công ty TNHH G có đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Ngọc D trình bày: Bị đơn thừa nhận còn thiếu tiền cước vận chuyển của nguyên đơn tháng 09-10-11/2019 là 2.674.980.000 đồng. Tuy nhiên việc giải quyết việc bồi thường hàng hóa cho bị đơn, giữa bị đơn và nguyên đơn vẫn chưa giải quyết. Nên bị đơn áp dụng Điều 411 và Điều 412 để tạm hoãn việc thanh toán tiền cước vận chuyển cho nguyên đơn, bị đơn không đồng ý thanh toán tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng sự cố chìm tàu Vietsun Integrity ngày 19/10/2019 không nằm trong Điều 4 hợp đồng 01/2018/LM-VS mà bị đơn đã ký với nguyên đơn. Việc nguyên đơn cho rằng nguyên đơn được miễn trừ trách nhiệm theo báo cáo điều tra tai nạn lỗi để chìm tàu có lỗi của thuyền viên và chủ tàu. Báo cáo điều tra tai nạn hàng hải không nhằm mục đích xác định trách nhiệm hay nghĩa vụ pháp lý. Giá trị hàng hóa của 10 container của bị đơn bị chìm trên tàu Vietsun Integrity ngày 19/10/2019 được xác định theo khối lượng và trọng

lượng, giá trị được xác định theo hóa đơn gửi cho người mua tương ứng với từng container hàng hóa. Sau khi sự cố chìm tàu xảy ra nguyên đơn có xác nhận với bị đơn về số lượng hàng của bị đơn đúng như lời trình bày của bị đơn. Bị đơn có đề xuất phương án bồi thường với nguyên đơn bằng hình thức trừ vào tiền cước vận chuyển hàng hóa cho bị đơn cụ thể 450.000.000 đồng hoặc 30% giá trị vận chuyển, nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Bị đơn cũng có yêu cầu phản tố với nguyên đơn yêu cầu bồi thường giá trị số tiền 2.687.388.180 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty B1 có anh Đỗ Thanh H1, Đỗ Minh T2 cùng thống nhất trình bày: Hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty B1 là hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, trách nhiệm được ghi trong hợp đồng bảo hiểm. Theo quy định của luật thương mại thì nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics. Quan điểm của Công ty B1 yêu cầu phản tố của bị đơn với nguyên đơn đã hết thời hiệu. Công ty bảo hiểm được miễn mọi trách nhiệm đối với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn đến giá trị hàng hóa bị tổn thất đã được vận chuyển theo hợp đồng logistics giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 2.674.980.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng) và trả lại số tiền 409.206.265 đồng (bốn trăm lẻ chín triệu hai trăm lẻ sáu ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng). Tổng 3.084.186.265 đồng (ba tỷ không trăm mười tư triệu một trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng).

2/ Bác yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường tổn thất giá trị hàng hóa 2.687.388.180 đồng (hai tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi tám ngàn một trăm tám mươi đồng).

3/ Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tại thời điểm tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, bị đơn có đơn kháng cáo, yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do thời hiệu khởi kiện đã hết, chấp nhận phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn bồi thường giá trị hàng hóa cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Nguyên đơn cho rằng: Tranh chấp hợp đồng vận chuyển, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Hiệp định khung ASEAN thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn là 9 tháng là không đúng vì nguyên đơn là bên kinh doanh dịch vụ Logistic, vận tải hàng hóa, căn cứ biên bản hòa giải thì bị đơn có nợ nguyên đơn tiền cước vận chuyển của 3 tháng, do vậy căn cứ của Bộ luật dân sự, thời hiệu được tính lại, mặc khác giữa nguyên đơn và bị đơn không xác định khoản nợ nào đối với bị đơn, đề nghị giữ

nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn cho rằng: Căn cứ văn bản số 02 ngày 25/2/2020 do ông Nguyễn An H2 ký với tư cách giám đốc và con dấu của Công ty, nên bị đơn có căn cứ xác định lại thời hiệu khởi kiện. Nguyên đơn không có căn cứ chứng minh đã mẫn cán trong việc xếp hàng, nên không có căn cứ xác định việc miễn trừ trách nhiệm của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc D trình bày bổ sung ý kiến của Luật sư: Trong biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị đơn xác định chỉ đồng ý trả tiền cước vận chuyển còn nợ cho nguyên đơn khi thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH G kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Đối với kháng cáo yêu cầu xem lại thời hiệu khởi kiện của bị đơn và của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm nhận định thời hiệu yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn chỉ 9 tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn, nên đã hết thời hiệu là chưa chính xác. Bởi lẽ căn cứ vào văn bản số 02 ngày 25/02/2020 của Công ty C do ông Nguyễn An H2 ký với tư cách giám đốc công ty gửi Công ty TNHH G trao đổi về trách nhiệm bồi thường giá trị hàng hóa Công ty TNHH G, nội dung trong thời hạn 07 ngày kể từ khi V cùng nhà bảo hiểm giải quyết xong việc bồi thường thiệt hại, Công ty TNHH G nhận được tiền đền bù từ bảo hiểm Q công ty có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền cước quá hạn đã tạm giữ, tương ứng với số tiền đã nêu trên.

Như vậy căn cứ điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “ Những quy định chung” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Trường hợp khi hết hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự, các bên có thỏa thuận kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ đó, thì việc xác định ngày quyền và lợi

ích hợp pháp bị xâm phạm căn cứ vào ngày chấm dứt thỏa thuận của các bên và được thực hiện như hướng dẫn tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều này, theo đó điểm a khoản 5 Điều 23 Nghị quyết 03 quy định “Đối với nghĩa vụ dân sự mà các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định thời hạn thực hiện, nếu hết thời hạn đó mà bên có nghĩa vụ không thực hiện, thì ngày hết hạn thực hiện nghĩa vụ là ngày xảy ra xâm phạm”.

Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đã có thỏa thuận lại thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nên căn cứ Điều 319 Luật thương mại 2005 thì thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn là 02 năm tính từ ngày 25/02/2020 đến 25/02/2022 mới hết thời hiệu khởi kiện, do vậy cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền cước vận chuyển còn nợ và tiền lãi là có căn cứ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, căn cứ Điều 169 Luật hàng hải 2015 quy định thời hiệu khởi kiện về hư hỏng, mất mát hàng hoá là 01 năm kể từ ngày trả hàng hoặc lễ ra phải trả hàng cho người nhận hàng, do các bên đã có thỏa thuận lại theo văn bản số 02 ngày 25/02/2020 do vậy thời hiệu của bị đơn được tính từ 25/02/2020 đến 25/02/2021 mới hết thời hiệu khởi kiện. Do vậy thời hiệu để xét đơn phản tố của bị đơn vẫn còn theo quy định.

[1.2] Đối với kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn bồi thường toàn bộ lô hàng hóa bị thiệt hại với số tiền là 2.687.388.180 đồng theo cam kết về đảm bảo tính nguyên vẹn của hàng hóa tại Điều 2.2 Hợp đồng dịch vụ số 01/2018.

Xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng dịch vụ số 01/2018 ngày 01/01/2018 về việc cung cấp dịch vụ Logistics, tức bị đơn thuê nguyên đơn vận chuyển các container có hàng hóa, số lượng, chủng loại hàng hóa các bên thừa nhận hàng hóa của bị đơn là 10 container hàng với giá trị là 2.687.388.180 đồng. Quá trình vận chuyển hàng hóa, sau khi cho tàu rời cảng được một giờ thì tàu của nguyên đơn bị nghiêng và chìm tại khu vực phao báo hiệu hàng hải số 28 luồng hàng hải S (thượng lưu mũi A).

Sau khi tai nạn xảy ra cảng vụ hàng hải T4 thuộc Cục H3 đã tiến hành điều tra nguyên nhân tai nạn. Tại báo cáo số 07/BCĐT-CVHH.TPHCM ngày 20/02/2020 của Cảng vụ hàng hải T5 có báo cáo điều tra, căn cứ Điều 10 Thông tư 34/2015/TT-BGTVT ngày 24/7/2015 của Bộ GTVT nêu rõ tại khoản 2 Điều 10 Thông tư có nêu: “Điều tra tai nạn hàng hải không xác định trách nhiệm hay nghĩa vụ pháp lý của các bên”. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả phân tích của báo cáo này làm cơ sở xác định trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng vận chuyển giữa nguyên đơn và bị đơn, cụ thể:

Căn cứ mục 3 Chương V phân tích của báo cáo về sự sai khác về trọng lượng giữa khai báo của chủ hàng và trọng lượng thực tế của container sau khi qua cân của cảng VICT, theo đó sơ đồ xếp hàng ban đầu của nhân viên khai thác của Công ty cổ phần V1 (ông M) là 304 container, nhưng Đại phó không chấp nhận yêu cầu giảm xuống 287 container, tuy nhiên sau đó số container được xếp lên tàu là 293 container, trong đó có 61 container về cảng sau có 31 container được xếp trên boong, tổng trọng lượng hàng trên boong trong sơ đồ xếp hàng cuối cùng nhiều

hơn sơ đồ xếp hàng ban đầu là khoảng 300 tấn.

Như vậy có căn cứ cho rằng, việc Đại phó của T3 đã thấy trước được sự không ổn định của tàu, nên đã đề nghị người khai thác của Công ty V2 giảm trọng lượng hàng hóa, nhưng phía công ty vẫn cho xếp các container lên tàu không theo sơ đồ đã được sắp xếp từ trước, điều này phù hợp với kết luận của báo cáo điều tra do các thông số không ổn định của tàu khi xếp hàng xong và rời cảng VICT đã không thỏa mãn các yêu cầu về tiêu chuẩn ổn định, do vậy không có căn cứ để cho rằng lỗi là của thuyền viên trên tàu để loại trừ trách nhiệm của chủ tàu như cấp sơ thẩm nhận định là chưa đánh giá toàn diện khách quan nội dung của vụ án. Theo quy định tại Điều 153 Luật hàng hải 2015 có nêu: “Người vận chuyển mất quyền giới hạn trách nhiệm nếu người khiếu nại chứng minh được mất mát, hư hỏng hàng hoá ...là do cầu thả của chủ tàu...”. Do vậy không có căn cứ miễn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ Logistics quy định tại Điều 237 Luật thương mại 2005.

Như vậy tại phiên tòa phía nguyên đơn thừa nhận tổng số lô hàng của bị đơn vận chuyển lên tàu là 10 container với trọng lượng và giá trị như bị đơn đã khai báo trong các văn bản trao đổi qua lại và gửi các chứng từ cho phía nguyên đơn là đúng. Do vậy căn cứ điểm a khoản 3 Điều 152 Luật hàng hải 2015 buộc nguyên đơn có trách nhiệm bồi thường toàn bộ giá trị hàng hoá cho bị đơn với số tiền 2.687.388.180 đồng.

[1.3] Đối với Công ty B1 không liên quan đến tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Bởi lẽ, Hợp đồng bảo hiểm không được ký kết giữa ba bên, như vậy chỉ có nguyên đơn và công ty B1 mới ràng buộc trách nhiệm và nghĩa vụ với nhau, việc có yêu cầu bảo hiểm bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự là quyền của nguyên đơn, do vậy tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng khi nào bảo hiểm bồi thường thì nguyên đơn mới bồi thường cho bị đơn là không có căn cứ, bị đơn không có quyền yêu cầu công ty B1, do vậy việc cấp sơ thẩm đưa công ty bảo hiểm vào tham gia tố tụng là không cần thiết. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa công ty B1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với việc cấp sơ thẩm cho nộp tạm ứng án phí kháng cáo đối với vụ án kinh doanh thương mại chỉ có 300.000 đồng là chưa đúng với quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định đối với tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần. Chấp nhận một phần ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn về việc buộc nguyên đơn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại hàng hóa, không chấp nhận đối ý kiến áp dụng thời hiệu về việc không thanh toán tiền cước vận chuyển cho nguyên đơn. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[1.5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 238, 319 Luật thương mại 2005;

Điều 152, 153, 169 Luật hàng hải 2015;

Điểm c khoản 5 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH G.

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần N.

Buộc bị đơn Công ty TNHH G phải thanh toán cho Công ty cổ phần N tiền cước vận chuyển của tháng 9, tháng 10 và tháng 11 năm 2019 với số tiền là 2.674.980.000 đồng và lãi 409.206.265 đồng. Tổng cộng là 3.084.186.265 đồng (Ba tỷ không trăm tám mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH G. Buộc nguyên đơn Công ty cổ phần N bồi thường thiệt hại về hàng hóa của bị đơn với số tiền là 2.687.388.180 đồng (Hai tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi tám nghìn một trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần N không phải chịu. Công ty cổ phần N được nhận lại 42.749.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007553 ngày 14/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Công ty TNHH G phải chịu 19.840.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp số tiền 42.873.000 đồng theo biên lai thu số 0007595 ngày 04/01/2021, bị đơn được nhận lại 23.033.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Không ai phải chịu. Công ty TNHH G được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010254 ngày 21/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 14/12/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh